

Công Ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Digitally signed by
Công Ty cổ phần Cảng
Quảng Ninh
DN: c=VN, st=TỈNH
QUẢNG NINH,
cn=Công Ty cổ phần
Cảng Quảng Ninh,
0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:5700100231
Date: 2020.04.27
16:29:06 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 42

1344
CÔN
CH NH
P
VIỆT
XU

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ hai ngày 22/08/2014, vốn điều lệ của Công ty là 500.499.360.000 VND, được chia thành 50.049.936 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	49.212.432	98,33%
2	Các đối tượng khác	837.504	1,67%
Cộng		50.049.936	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch
- Ông Phạm Công Đoàn	Ủy viên
- Ông Bùi Quang Đạo	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên
- Ông Nguyễn Phú Quân	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
- Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc
- Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng
- Ông Đỗ Quang Hưng
- Bà Lương Thị Yến

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 04 năm 2020

~~THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC~~



Bùi Quang Đạo
Tổng Giám đốc

Số: 83 /2020/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh được lập ngày 27 tháng 04 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Đỗ Thị Anh Tuyết

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0079-2018-242-1

Nguyễn Hồng Quang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0576-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.752.357.026.585	2.373.216.723.222
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.462.181.233	39.072.488.786
Tiền	111	5.1	28.462.181.233	39.072.488.786
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.000.000.000	123.566.820.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	140.000.000.000	123.566.820.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.539.665.902.661	2.162.228.428.949
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.708.663.603.751	510.154.868.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.556.658.600	148.409.267.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	834.270.433.950	1.515.430.240.257
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.824.793.640)	(11.765.947.328)
Hàng tồn kho	140	5.7	40.111.876.888	42.542.190.543
Hàng tồn kho	141		42.692.482.690	45.485.465.985
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.580.605.802)	(2.943.275.442)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.117.065.803	5.806.794.944
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	3.786.383.825	4.410.342.834
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	330.681.978	1.396.452.110
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		425.833.203.623	449.807.099.321
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		216.468.707.341	239.367.082.836
TSCĐ hữu hình	221	5.9	216.001.192.036	238.411.442.535
- Nguyên giá	222		614.463.900.629	612.901.643.293
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(398.462.708.593)	(374.490.200.758)
TSCĐ vô hình	227	5.10	467.515.305	955.640.301
- Nguyên giá	228		4.050.000.000	4.050.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.582.484.695)	(3.094.359.699)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		36.804.400.617	35.621.998.466
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	36.804.400.617	35.621.998.466
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	161.598.604.900	164.302.504.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.207.213.772	2.207.213.772
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		196.703.805.351	196.703.805.351
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(37.312.414.223)	(34.608.515.123)
Tài sản dài hạn khác	260		10.961.490.765	10.515.514.019
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	10.961.490.765	10.515.514.019
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.178.190.230.208	2.823.023.822.543

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.568.370.938.347	2.223.350.584.295
Nợ ngắn hạn	310		2.568.370.938.347	2.223.350.584.295
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.462.112.871.287	1.941.332.993.213
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.188.995.076	178.037.601.701
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	8.613.243.971	6.631.257.868
Phải trả người lao động	314		17.496.190.234	36.825.888.923
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	9.194.009.773	67.550.414
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	318		3.032.405.838	3.880.615.424
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	63.805.031.193	54.514.908.837
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.928.190.975	2.059.767.915
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		609.819.291.861	599.673.238.248
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	609.819.291.861	599.673.238.248
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.319.931.861	99.173.878.248
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.567.453.175	23.410.772.528
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.752.478.686	75.763.105.720
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.178.190.230.208	2.823.023.822.543

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Duy



Nguyễn Tư Thịnh




Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.589.595.943.957	5.040.178.089.401
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		5.589.595.943.957	5.040.178.089.401
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.465.350.390.792	4.911.824.780.611
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.245.553.165	128.353.308.790
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	45.132.014.404	65.860.453.941
Chi phí tài chính	22	6.4	34.589.606.512	49.595.784.935
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	71.519.569.016	70.696.316.328
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.268.392.041	73.921.661.468
Thu nhập khác	31	6.5	26.550.660.498	21.600.265.712
Chi phí khác	32	6.6	6.336.010.069	1.608.525.670
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		20.214.650.429	19.991.740.042
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.483.042.470	93.913.401.510
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	16.730.563.784	18.008.843.258
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	-	141.452.532
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		66.752.478.686	75.763.105.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.334	1.514

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Duy



Nguyễn Tư Thịnh



Bùi Quang Đạo



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.240.076.784.791	4.778.178.850.869
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(4.734.603.124.532)	(3.936.641.498.638)
Tiền chi trả cho người lao động	(107.778.794.279)	(104.798.452.841)
Tiền chi trả lãi vay	-	-
Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.211.398.335)	(15.569.483.921)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	31.980.000.744	26.456.327.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(83.329.174.917)	(97.523.006.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(668.865.706.528)	650.102.736.317
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	(3.294.285.000)	(429.455.590)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	(89.000.000.000)	(1.788.643.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	783.475.466.707	1.117.227.911.126
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	17.085.352.739	74.045.492.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	708.266.534.446	(597.799.051.913)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(50.012.111.050)	(50.064.070.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(50.012.111.050)	(50.064.070.403)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(10.611.283.132)	2.239.614.001
Tiền và tương đương tiền đầu năm	39.072.488.786	36.881.089.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	975.579	(48.214.822)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	28.462.181.233	39.072.488.786

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Duy



Nguyễn Tư Thịnh



Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Tổng số cổ phần của Công ty là 50.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh nông sản;
- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

- Xí nghiệp dỡ Cái Lân;
- Xí nghiệp cơ giới Hạ Long (tên trước đây là Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long);
- Xí nghiệp sửa chữa và vận tải (tên trước đây là Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ);
- Xí nghiệp giao nhận và kho bãi (tên trước đây là Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi); và
- Trung tâm điều độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 713 nhân viên trong đó có 35 nhân viên quản lý (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 công ty có 745 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá: Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc: | 5 - 28 năm |
| - Máy móc, trang thiết bị: | 5 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải: | 6 - 20 năm |
| - Thiết bị văn phòng: | 5 - 13 năm |

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- | | |
|-------------|--------|
| - Phần mềm: | 03 năm |
|-------------|--------|

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014 là 500.499.360.000 đồng và được chia thành 50.049.936 cổ phần.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNDKDN (VND)	Vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	492.124.320.000	492.124.320.000	98,3%
Các cổ đông khác	8.375.040.000	8.375.040.000	1,7%
Cộng	500.499.360.000	500.499.360.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

4.13 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.14 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT của Công ty đối với các đại lý tàu biển nước ngoài là 0%, các dịch vụ khác là 10%.

Hoạt động kinh doanh nông sản không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, Đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác (không bao gồm các khoản tạm ứng), các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh) và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

		31/12/2019	01/01/2019
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	77.002.399	37.299.207
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	28.385.178.834	39.035.189.579
Cộng		28.462.181.233	39.072.488.786
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2019 bao gồm:			
		Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ			-
Đồng Việt Nam			77.002.399
Cộng			77.002.399
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:			
		Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam			15.163.304.103
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Hòn Gai - Chi nhánh Quảng Ninh			11.914.604.445
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh			1.837.212.851
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Trung tâm kinh doanh			1.010.932.025
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh			274.137.866
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ninh			70.965.497
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh			55.451.419
Ngoại tệ (USD)		571.059,10	13.197.267.688
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Hòn Gai - Chi nhánh Quảng Ninh		558.213,01 #	12.900.302.661
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		10.738,58 #	248.222.277
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ninh		1.909,71 #	44.171.592
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh		197,80 #	4.571.158
Ngoại tệ (EUR)		955,38	24.607.043
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ninh		848,61 #	21.863.588
- Ngân hàng TMCP Hàng hải VN - CN Quảng Ninh		106,77 #	2.743.455
Cộng			28.385.178.834

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (*)	140.000.000.000	123.566.820.000
Cộng	140.000.000.000	123.566.820.000

- (*) Đây là khoản ký gửi vốn vào Công ty cổ phần Tập đoàn T&T ("Tập đoàn T&T") theo hợp đồng hợp tác số 01/2019/CQN-TT ngày 01 tháng 01 năm 2019 giữa Công ty và Tập đoàn T&T ("Hợp đồng quản lý vốn"), theo đó Công ty ký gửi khoản tiền nhân rồi cho Tập đoàn T&T quản lý. Khi có nhu cầu rút khoản ký gửi Công ty sẽ gửi thông báo cho Tập đoàn T&T và yêu cầu Tập đoàn T&T chuyển khoản rút vốn vào tài khoản của Công ty theo chỉ dẫn của Công ty. Khoản ký gửi vốn được hưởng lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thống nhất giữa hai bên.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.708.663.603.751	510.154.868.520
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	1.584.725.889.026	420.159.398.960
<i>Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội</i>	940.825.749.616	120.610.536.840
<i>Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Tân Mai</i>	55.228.093.770	299.548.862.120
<i>Công ty cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam</i>	261.012.648.640	-
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu rau quả I</i>	327.659.397.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	123.937.714.725	89.995.469.560
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.708.663.603.751	510.154.868.520

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.556.658.600	148.409.267.500
- Chi tiết các khoản phải trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả trước cho người bán	5.945.632.870	146.602.882.140
<i>Công ty CP Hợp Tiến Thành</i>	944.750.730	-
<i>Công ty Luật TNHH Trần Nguyên</i>	4.380.000.000	1.905.000.000
<i>Công ty TNHH Tân Quang Minh</i>	620.882.140	620.882.140
<i>Công ty cổ phần tập đoàn Tân Long</i>	-	144.077.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.611.025.730	1.806.385.360
b. Trả trước cho người bán dài hạn		-
Cộng	8.556.658.600	148.409.267.500

5.5 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	834.270.433.950	(506.381.220)	1.515.430.240.257	(506.381.220)
Tạm ứng	2.223.853.199	-	1.571.507.199	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	7.467.179.778	-	-	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu rau quả I	4.228.559.572	-	-	-
Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	690.997.507	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn T&T (i)	815.921.384.322	-	1.512.035.584.489	-
Phải thu khác	3.232.078.352	-	1.316.767.349	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	834.270.433.950	(506.381.220)	1.515.430.240.257	(506.381.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần tập đoàn T&T bao gồm: số dư khoản lãi theo Hợp đồng quản lý vốn; và số dư của các thỏa thuận hợp tác kinh doanh, trong đó hai bên cùng hợp tác, góp vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T đang thực hiện hoặc cùng phối hợp kinh doanh các lĩnh vực có thể mạnh mẽ xuất thấy khả thi và phù hợp với nhu cầu của Cảng Quảng Ninh (trên lãnh thổ Việt Nam). Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế tại thời điểm kết thúc hợp đồng.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	12.828.624.898	1.003.831.258	11.979.657.841	213.710.513
- Từ 3 năm trở lên	11.326.789.888	-	11.269.712.099	-
Cty CP ĐT Cừu Long	716.847.009	-	1.216.847.009	-
Vinashin				
Công ty CP Công Nghiệp Năng Cừu Long	1.785.424.000	-	1.785.424.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	5.373.413.834	-	5.373.413.834	-
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	1.255.340.841	-	1.255.340.841	-
Khác	2.195.764.204	-	1.638.686.415	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	28.100.153	8.430.046	706.311.789	211.893.537
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	3.633.953	1.090.186	362.633.754	108.790.126
Cảng Vụ Hàng Hải Quảng Ninh	-	-	343.678.035	103.103.411
Chi cục Hải quan Cảng Cái Lân	24.466.200	7.339.860	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	181.065.940	90.532.970	3.633.953	1.816.976
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	-	-	3.633.953	1.816.976
Công ty CP thương mại Lương Sơn	181.065.940	90.532.970	-	-
- Dưới 1 năm	1.292.668.917	904.868.242	-	-
Công ty TNHH Chế biến lâm sản dăm gỗ VINA	107.239.296	75.067.507	-	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải TOMMY	505.152.221	353.606.555	-	-
Chi cục Hải quan Cảng Cái Lân - Cục hải quan tỉnh Quảng Ninh	680.277.400	476.194.180	-	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.707.574.901	(504.417.726)	7.337.254.417	(637.972.156)
Phụ tùng và vật tư thay thế	33.973.754.982	(2.149.391.348)	36.110.351.443	(2.210.395.609)
Công cụ, dụng cụ	2.011.212.807	(348.828)	2.037.860.125	(94.907.677)
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	42.692.542.690	(2.580.605.802)	45.485.465.985	(2.943.275.442)

- Phần giá trị giảm giá của hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không còn khả năng sử dụng tại thời điểm cuối năm: 2.580.605.802 đồng
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 362.669.640 đồng là phần vật tư được xuất ra sử dụng.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Xây dựng cơ bản	35.992.916.561	35.440.439.561
<i>Dự án kho bãi hàng hóa đối tượng lưu bến một</i>	<i>32.493.489.224</i>	<i>31.941.012.224</i>
<i>Dự án kho 4200m² đối trọng bến một</i>	<i>2.298.399.091</i>	<i>2.298.399.091</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>1.201.028.246</i>	<i>1.201.028.246</i>
- Sửa chữa	811.484.056	181.558.905
Cộng	36.804.400.617	35.621.998.466

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	172.238.390.464	105.273.894.871	323.429.151.642	11.960.206.316	-	612.901.643.293
- Mua trong năm	-	175.280.000	3.912.727.272	104.272.727	-	4.192.279.999
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.630.022.663)	-	-	(2.630.022.663)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	172.238.390.464	105.449.174.871	324.711.856.251	12.064.479.043	-	614.463.900.629
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	97.682.881.342	61.358.976.362	203.649.163.183	11.799.179.871	-	374.490.200.758
- Khấu hao trong năm	5.063.691.552	6.517.464.585	14.926.229.180	95.145.181	-	26.602.530.498
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.630.022.663)	-	-	(2.630.022.663)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	102.746.572.894	67.876.440.947	215.945.369.700	11.894.325.052	-	398.462.708.593
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	74.555.509.122	43.914.918.509	119.779.988.459	161.026.445	-	238.411.442.535
Tại ngày cuối năm	69.491.817.570	37.572.733.924	108.766.486.551	170.153.991	-	216.001.192.036
- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay						-
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng						126.845.891.438

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	4.050.000.000	4.050.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	4.050.000.000	4.050.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	3.094.359.699	3.094.359.699
- Khấu hao trong năm	-	488.124.996	488.124.996
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.582.484.695	3.582.484.695
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	955.640.301	955.640.301
Tại ngày cuối năm	-	467.515.305	467.515.305
Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng			145.000.000

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	196.703.805.351	(35.105.200.451)	196.703.805.351	(32.401.301.351)
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	156.918.438.000	-	156.918.438.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	(93.671.351)	1.015.739.351	(93.671.351)
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	1.000.000.000	(510.000.000)	1.000.000.000	(480.000.000)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	29.709.990.000	(26.441.891.100)	29.709.990.000	(23.767.992.000)
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	8.059.638.000	(8.059.638.000)	8.059.638.000	(8.059.638.000)
Cộng	198.911.019.123	(37.312.414.223)	198.911.019.123	(34.608.515.123)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2019			01/01/2019		
	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ biểu quyết
c. Chi tiết các khoản đầu tư						
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%	8.500.000.000	2.207.213.772	25,53%
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	713.000.000.000	156.918.438.000	12,23%	713.000.000.000	156.918.438.000	12,23%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	141.621.300.000	1.000.000.000	0,71%	141.621.300.000	1.000.000.000	0,71%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	365.050.000.000	29.709.990.000	8,14%	365.050.000.000	30.627.790.000	8,39%
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	3.786.383.825	4.410.342.834
Bảo hiểm tài sản	854.005.529	603.489.668
Thuê nhà kho	1.056.720.000	1.905.600.000
Chi phí trả trước khác	2.798.561.657	1.901.253.166
b. Dài hạn	10.961.490.765	10.515.514.019
Chi phí sửa chữa TSCĐ	367.418.039	1.632.052.566
Chi phí nạo vét luồng	1.871.874.191	3.913.918.751
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.722.198.535	4.969.542.702
Cộng	14.747.874.590	14.925.856.853

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.462.112.871.287	2.462.112.871.287	1.941.332.993.213	1.941.332.993.213
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:				
Công ty Cổ phần Chipsgood - Vegetexco	442.680.808.100	442.680.808.100	1.154.619.832.317	1.154.619.832.317
Công ty cổ phần HUM	345.778.118.020	345.778.118.020	314.282.542.500	314.282.542.500
Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội	474.735.022.900	474.735.022.900	137.365.870.340	137.365.870.340
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Rau Quả	430.004.356.252	430.004.356.252	-	-
Công ty TNHH VI NA HANIMEXCO	409.491.139.920	409.491.139.920	129.885.514.360	129.885.514.360
Công ty cổ phần Cánh rau quả	290.585.180.810	290.585.180.810	75.085.532.280	75.085.532.280
- Khác	68.838.245.285	68.838.245.285	130.093.701.416	130.093.701.416
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.462.112.871.287	2.462.112.871.287	1.941.332.993.213	1.941.332.993.213

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.188.995.076	1.188.995.076	178.037.601.701	178.037.601.701
- Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước chiếm từ 10% trở lên trên tổng người mua trả tiền trước:	986.384.389	986.384.389	177.787.750.000	177.787.750.000
SILENUS INTERNATIO NAL CO., LTD	854.376.700	854.376.700	-	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Uy	132.007.689	132.007.689	-	-
Công ty cổ phần Logistics Hong Kong	-	-	177.787.750.000	177.787.750.000
- Khác	202.610.687	202.610.687	249.851.701	249.851.701
b. Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.188.995.076	1.188.995.076	178.037.601.701	178.037.601.701

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.419.859.533	20.800.768.022	20.337.947.368	1.882.680.187
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	289.787.482	289.787.482	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.211.398.335	16.730.563.784	15.211.398.335	6.730.563.784
Thuế khác	-	1.025.498.222	1.025.498.222	-
Cộng	6.631.257.868	38.846.617.510	36.864.631.407	8.613.243.971
b. Phải thu				
Thuế TNCN	1.378.204.110	3.820.299.746	2.754.529.614	312.433.978
Thuế nhập khẩu	18.248.000	118.606.022	118.606.022	18.248.000
Cộng	1.396.452.110	3.938.905.768	2.873.135.636	330.681.978

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	9.194.009.773	67.550.414
Công ty CP Thể thao T&T	9.090.909.091	-
Khác	103.100.682	67.550.414
b. Dài hạn	-	-
Cộng	9.194.009.773	67.550.414

5.17 Phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	63.805.031.193	54.514.908.837
Kinh phí công đoàn	72.961.364	61.777.968
Cổ tức phải trả	57.884.774	20.149.877
Tiền thuê cơ sở hạ tầng	30.214.884.981	31.159.967.218
JR SHIPPING LIMITED	-	586.032.500
Công ty cổ phần Chipsgood – Vegetexco	14.195.204.741	-
Tổng công ty vật tư nông nghiệp - Công ty cổ phần	47.249.029	13.425.796.784
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Rau Quả	9.523.207.120	-
Công ty TNHH VI NA HANIMEXCO	4.707.327.228	-
Công ty cổ phần Cảng rau quả	3.676.927.123	-
Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội	-	6.875.820.414
Khác	1.309.384.833	2.385.364.076
b. Dài hạn	-	-
Cộng	63.805.031.193	54.514.908.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn góp của chủ SH</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND		VND
Số dư đầu năm trước	500.499.360.000	-	-	79.214.315.969	579.713.675.969
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	75.763.105.720	75.763.105.720
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(55.803.543.441)	(55.803.543.441)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	500.499.360.000	-	-	99.173.878.248	599.673.238.248
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	66.752.478.686	66.752.478.686
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	(56.606.425.073)	(56.606.425.073)
Số dư cuối năm	500.499.360.000			109.319.931.861	609.819.291.861

(*): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận Năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2019 (Chi trả cổ tức: 50.049.936.000 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4.714.359.254 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 1.842.129.819 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Vốn góp của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	492.124.320.000	492.124.320.000
Vốn góp của đối tượng khác	8.375.040.000	8.375.040.000
Cộng	500.499.360.000	500.499.360.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	500.499.360.000	500.499.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	500.499.360.000	500.499.360.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	50.049.936.000	50.049.936.000

Cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.049.936	50.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	50.049.936	50.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.049.936	50.049.936
Cổ phiếu phổ thông	50.049.936	50.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/cổ phiếu	

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngoại tệ		
+ USD	571.059,10	748.529,78
+ EUR	955,38	954,82

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	5.589.595.943.957	5.040.178.089.401
Kinh doanh hàng hóa nông sản	5.171.843.911.774	4.624.671.874.900
Phí bốc xếp	258.321.611.964	255.718.799.768
Phí cầu bến	39.242.880.880	44.815.677.951
Tiền hàng hóa qua cảng	15.320.089.222	16.965.269.087
Tiền vận chuyển hàng	26.520.950.392	26.682.417.191
Lưu kho, bãi	34.024.217.941	29.063.211.782
Các dịch vụ khác	44.322.281.784	42.260.838.722

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá vốn hàng hóa nông sản	5.170.872.010.236	4.623.141.768.164
Chi phí nhân công	71.334.026.035	82.346.709.788
Chi phí bốc xếp, lai dắt	69.821.567.247	62.904.647.687
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	52.983.431.916	50.129.240.318
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.798.818.349	28.556.750.060
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.296.613.075	23.579.683.186
Chi phí điện nước	6.928.734.803	6.856.424.578
Chi phí sửa chữa	12.304.953.374	7.905.710.054
Chi phí khác	32.010.235.757	26.403.846.776
Cộng	5.465.350.390.792	4.911.824.780.611

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.926.934.830	7.745.774.705
Lãi chênh lệch tỷ giá	56.680.368	367.747.413
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.000.000	5.736.499.150
Lãi trả chậm	13.212.432.210	513.343.460
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.865.966.996	51.497.089.213
Cộng	45.132.014.404	65.860.453.941

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	120.299.373	87.701.281
Chi phí trả chậm	32.229.753.139	51.962.935.654
Dự phòng đầu tư tài chính	2.239.554.000	(2.454.852.000)
Cộng	34.589.606.512	49.595.784.935

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thưởng làm tàu nhanh	19.521.995.650	20.929.680.738
Thu tiền phạt bồi thường	6.244.988.352	101.540.691
Các khoản khác	783.676.496	569.044.283
Cộng	26.550.660.498	21.600.265.712

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	156.989.723
Tiền phạt, bồi thường	6.122.822.475	1.191.897.310
Các khoản khác	213.187.594	259.638.637
Cộng	6.336.010.069	1.608.525.670

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.519.569.016	70.696.316.328
Chi phí nhân viên	38.221.988.295	41.315.399.670
Chi phí khấu hao	291.837.145	396.775.929
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.038.266.529	1.410.897.664
Chi phí thuê đất	893.448.900	1.070.722.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.516.721.237	20.339.439.657
Chi phí dự phòng	208.080.312	479.421.326
Chi phí khác	7.349.226.598	5.683.660.022
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Cộng	71.519.569.016	70.696.316.328

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
a. Chi phí SX, kinh doanh theo yếu tố	366.360.619.212	359.413.065.395
Chi phí nhân công	109.556.014.330	123.662.109.458
Chi phí bốc xếp lai dắt	69.821.567.247	62.904.647.687
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	50.471.295.553	50.129.240.318
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.090.655.494	28.953.525.989
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.697.549.244	25.024.317.470
Chi phí điện nước	6.928.734.803	6.856.424.578
Chi phí sửa chữa	12.304.953.374	7.905.710.054
Chi phí khác	65.489.849.167	53.977.089.841
b. Các khoản ghi giảm chi phí	(362.669.640)	(33.736.610)
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(362.669.640)	(33.736.620)
Cộng	365.997.949.572	359.379.328.785

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.730.563.784	18.008.843.258
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.483.042.470	93.913.401.510
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	169.776.449	(5.301.331.238)
Chi phí không được trừ	263.181.561	585.470.919
Thu nhập từ cổ tức	(70.000.000)	(5.736.499.150)
Điều chỉnh khác	(23.405.112)	(150.303.007)
- Tổng thu nhập chịu thuế	83.652.818.919	88.612.070.272
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	83.652.818.919	88.612.070.272
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.730.563.784	17.722.414.054
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	286.429.204
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.730.563.784	18.008.843.258

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế;	-	141.452.532
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	-	141.452.532

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	66.752.478.686	75.763.105.720
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	66.752.478.686	75.763.105.720
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.049.936	50.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.334	1.514

6.11 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Trong 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<u>Ngày 31/12/2019</u>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.462.181.233	-	28.462.181.233
Phải thu khách hàng	1.708.663.603.751	-	1.708.663.603.751
Phải thu khác	832.046.580.751	-	832.046.580.751
Các khoản đầu tư	140.000.000.000	196.703.805.351	336.703.805.351
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.824.793.640)	-	(11.824.793.640)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(35.105.200.451)	(35.105.200.451)
Tổng cộng	2.697.347.572.095	161.598.604.900	2.858.946.176.995
<u>Ngày 31/12/2019</u>			
Phải trả người bán	2.462.112.871.287	-	2.462.112.871.287
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	90.495.231.200	-	90.495.231.200
Tổng cộng	2.552.608.102.487	-	2.552.608.102.487
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>144.739.469.608</i>	<i>161.598.604.900</i>	<i>306.338.074.508</i>
<u>Ngày 01/01/2019</u>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.072.488.786	-	39.072.488.786
Phải thu khách hàng	510.154.868.520	-	510.154.868.520
Phải thu khác	1.513.858.733.058	-	1.513.858.733.058
Các khoản đầu tư	123.566.820.000	196.703.805.351	320.270.625.351
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.765.947.328)	-	(11.765.947.328)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(32.401.301.351)	(32.401.301.351)
Tổng cộng	2.174.886.963.036	164.302.504.000	2.339.189.467.036
<u>Ngày 01/01/2019</u>			
Phải trả người bán	1.941.332.993.213	-	1.941.332.993.213
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	54.582.459.251	-	54.582.459.251
Tổng cộng	1.995.915.452.464	-	1.995.915.452.464
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>178.971.510.572</i>	<i>164.302.504.000</i>	<i>343.274.014.572</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	140.000.000.000	123.566.820.000	140.000.000.000	123.566.820.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.708.663.603.751	510.154.868.520	1.697.345.191.331	498.895.302.412
<i>Các khoản PT khác</i>	832.046.580.751	1.513.858.733.058	831.540.199.531	1.513.858.733.058
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	28.462.181.233	39.072.488.786	28.462.181.233	39.072.488.786
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	196.703.805.351	196.703.805.351	161.598.604.900	164.302.504.000
Tổng cộng	2.905.876.171.086	2.383.356.715.715	2.858.946.176.995	2.339.189.467.036
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	2.462.112.871.287	1.941.332.993.213	2.462.112.871.287	1.941.332.993.213
<i>Phải trả khác</i>	72.999.040.966	54.582.459.251	72.999.040.966	54.582.459.251
Tổng cộng	2.535.111.912.253	1.995.915.452.464	2.535.111.912.253	1.995.915.452.464

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**a. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong năm tài chính các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2019 (VND)
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ			
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	Dịch vụ bốc xếp	6.158.335.892
Cộng			
Giá trị hàng hoá, dịch vụ mua			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua nông sản	632.681.576.696
Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	Dịch vụ thuê kho, vận chuyển	2.852.490
Cộng			
Thu nhập của nhân sự chủ chốt			
Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng			6.023.838.163
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị			2.069.564.871
Lương, thưởng của Ban Kiểm soát			755.029.823
Cộng			
Hoạt động tài chính			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ		
+ Chuyển tiền theo Hợp đồng quản lý vốn và các thỏa thuận hợp tác kinh doanh			89.000.000.000
+ Thu hồi tiền theo Hợp đồng quản lý vốn và các thỏa thuận hợp tác kinh doanh			(800.290.299.318)
+ Lợi ích phát sinh từ Hợp đồng quản lý vốn và các thỏa thuận hợp tác kinh doanh			31.609.279.151
Chi phí tài chính			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ		47.249.029
Cộng			

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Các khoản đầu tư ngắn hạn			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ	140.000.000.000	123.566.820.000
Cộng		140.000.000.000	123.566.820.000
Phải thu khác			
Công ty cổ phần tập đoàn T&T	Công ty mẹ	815.921.384.322	1.512.035.584.489
Cộng		815.921.384.322	1.512.035.584.489
Phải thu khách hàng			
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	2.277.247.579	3.707.832.172
Cộng		2.277.247.579	3.707.832.172
Phải trả người bán			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ	52.260.290.148	-
Cộng		52.260.290.148	-
Phải trả khác			
Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	Công ty liên kết của công ty mẹ	47.249.029	13.425.796.784
Cộng		47.249.029	13.425.796.784
Tạm ứng			
Bùi Quang Đạo	Tổng giám đốc	189.161.165	189.161.165
Đình Anh Tuấn	P. Tổng giám đốc	937.777.315	937.777.315
Cộng		1.126.938.480	1.126.938.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Dưới 1 năm	27.419.465.027	24.796.601.098
Từ 1 đến 5 năm	114.218.369.336	112.876.752.051
Trên 5 năm	259.771.663.564	292.129.317.370
Cộng	401.409.497.927	429.802.670.519

Cam kết thuê hoạt động thể hiện cam kết cho chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5, 6, 7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

c. Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

d. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 04 năm 2020

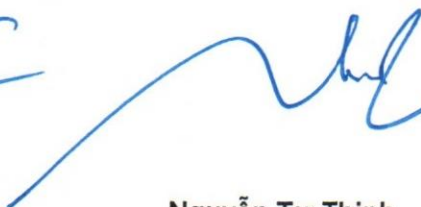
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Duy



Nguyễn Tư Thịnh



Bùi Quang Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
Số: 154 /CQN-TCKT

"Giải trình lợi nhuận sau thuế tại báo cáo KQKD năm 2019 thay đổi >10% so với năm 2018; Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kiểm toán thay đổi >5% so với Báo cáo đã công bố quý IV"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Công ty: Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh

Mã chứng khoán: CQN

Trụ sở chính: Số 1 đường Cái Lân, P.Bãi cháy, Tp. Hạ long, T. Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3845307 Fax 0203 3826118 Email: qnp@quangninhport.com.vn

Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh xin được giải trình về thay đổi lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán với các nội dung sau:

1. Thay đổi giữa BCTC Năm 2019 và BCTC năm 2018

- Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2019 là 66.752.478.686 đồng
- Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2018 là 75.763.105.720 đồng
- Thay đổi giảm 9.010.627.034 đồng
- Tỷ lệ thay đổi: -11.89 %
- Nguyên nhân thay đổi: do năm 2019 thị trường kinh doanh biến động dẫn đến chi phí sản xuất kinh doanh tăng đáng kể so với năm 2018, dẫn đến kết quả kinh doanh thay đổi tương ứng.

2. Thay đổi giữa BCTC sau kiểm toán Năm 2019 và BCTC Quý IV/2019 đã công bố

- Lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2019 là 66.752.478.686 đồng
- Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Quý IV là 72.421.357.941 đồng
- Thay đổi giảm 5.668.879.255 đồng
- Tỷ lệ thay đổi: -7,83 %
- Nguyên nhân thay đổi: do ghi nhận thiếu chi phí trên BCTC quý IV đã công bố.

Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh giải trình và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- Hệ thống IDS, Website công ty
- Lưu, VT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Đạo